

PHỤ LỤC 3
CÁC TIÊU CHUẨN VÀ BẢNG ĐIỂM XẾP HẠNG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN, QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
THUỘC TỈNH, THÀNH PHỐ THUỘC TRUNG ƯƠNG
(Ban hành kèm Thông tư số /2023/TT-BYT ngày / /2023)

I	Nhóm tiêu chuẩn I: Vị trí, chức năng, nhiệm vụ	10 điểm
1	Vị trí chức năng, chỉ đạo kỹ thuật	4 điểm
1.1	Phạm vi quốc gia, khu vực (vùng, miền)	4 điểm
1.2	Phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngành	2 điểm
1.3	Phạm vi quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	1 điểm
2	Đào tạo	3 điểm
2.1	Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ đại học và sau đại học lĩnh vực sức khỏe	3 điểm
2.2	Tham gia, thực hiện đào tạo thực hành trình độ cao đẳng lĩnh vực sức khỏe	2 điểm
2.3	Tham gia, thực hiện đào tạo bồi dưỡng, đào tạo liên tục theo đúng quy định	1 điểm
3	Nghiên cứu khoa học	3 điểm
3.1	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia và hoàn thành theo đúng tiến độ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	3 điểm
3.2	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc sáng kiến cấp Bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu	2 điểm
3.3	Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu	1 điểm
II	Nhóm tiêu chuẩn II: Quy mô và nội dung hoạt động	15 điểm
1	Nội dung hoạt động	3 điểm
1.1	Thực hiện đủ các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng theo chức năng, nhiệm vụ được giao	1 điểm
1.2	Thực hiện đủ các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo chức năng, nhiệm vụ được giao	1 điểm
1.3	Thực hiện đủ các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về an toàn thực phẩm theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,5 điểm
1.4	Thực hiện đủ các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về dân số theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,5 điểm
2	Dân số chịu trách nhiệm quản lý:	4 điểm
2.1	Dân số trên 500 nghìn người;	4 điểm
2.2	Dân số từ 300 nghìn đến 500 nghìn người;	3 điểm
2.3	Dân số từ trên 150 nghìn đến dưới 300 nghìn người;	2 điểm

2.4	Dân số dưới 150 nghìn người;	1 điểm
3	Điểm đánh giá chất lượng bệnh viện trung bình 2 năm liền kể năm đánh giá xếp hạng đơn vị	4 điểm
3.1	Đạt từ 4,0 điểm trở lên	2 điểm
3.2	Đạt từ 3,2 điểm đến dưới 4,0	1,5 điểm
3.3	Đạt từ 2,5 đến dưới 3,2 điểm	1 điểm
3.4	Dưới 2,5 điểm	0,5 điểm
4	Công suất sử dụng giường bệnh tính theo giường bệnh kế hoạch	2 điểm
4.1	Từ 95% đến 120%	2 điểm
4.2	Từ 80% đến dưới 95% hoặc trên 120% giường bệnh kế hoạch	1 điểm
4.3	Từ 60% đến dưới 80%	0,5 điểm
4.4	Dưới 60%	0 điểm
5	Số ngày điều trị trung bình	2 điểm
5.1	Dưới 7/10/12 ngày đối với Bệnh viện huyện/tỉnh/Trung ương	2 điểm
5.2	Từ 7-8/10-11/12-15 ngày đối với Bệnh viện huyện/tỉnh/Trung ương	1 điểm
5.3	Trên 8/11/15 ngày đối với Bệnh viện huyện/tỉnh/Trung ương	0 điểm
6	Tỷ lệ người bệnh nội trú thuộc đối tượng chăm sóc cấp một	2 điểm
6.1	Từ 25% số người bệnh nội trú trở lên	2 điểm
6.2	Từ 15% đến dưới 25% số người bệnh nội trú	1,5 điểm
6.3	Từ 10% đến dưới 15% số người bệnh nội trú	1 điểm
6.4	Dưới 10% số người bệnh nội trú	0,5 điểm
III	Nhóm tiêu chuẩn III: Nhân lực	20 điểm
1	Bảo đảm số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chuyên môn chuyên ngành chiếm tỷ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của đơn vị	3 điểm
2	Các trưởng khoa, phó trưởng khoa, phòng chuyên môn	5 điểm
2.1	Từ 50% trở lên có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	5 điểm
2.2	Từ 40% đến dưới 50% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	4 điểm
2.3	Từ 20% đến dưới 40% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	3 điểm
2.4	Dưới 20% có trình độ tiến sĩ, chuyên khoa II	2 điểm
3	Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên trưởng các khoa lâm sàng	5 điểm
3.1	Từ 60% trở lên có trình độ sau đại học	5 điểm
3.2	Từ 40% đến dưới 60% có trình độ sau đại học	4 điểm
3.3	Từ 20% đến dưới 40% có trình độ sau đại học	3 điểm
3.4	Dưới 20% có trình độ sau đại học	2 điểm
5	Bác sĩ điều trị ở các khoa lâm sàng, viên chức ở các khoa, phòng chuyên môn	7 điểm
5.1	Từ 50% trở lên có trình độ chuyên khoa I và tương đương	7 điểm
5.2	Từ 40% đến dưới 50% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	5 điểm
5.3	Từ 20% đến dưới 40% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	3 điểm

5.4	Dưới 20% có trình độ chuyên khoa I và tương đương	1 điểm
IV	Nhóm tiêu chuẩn IV: Khả năng chuyên môn	40 điểm
1	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt (trừ danh mục bệnh viện không có chuyên khoa)	5 điểm
1.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt từ 95% trở lên danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	5 điểm
1.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt ≥ 70 đến $<95\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	4 điểm
1.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt $\geq 50\%$ đến $< 70\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	3 điểm
1.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại đặc biệt đạt $< 50\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	2 điểm
2	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I (trừ danh mục bệnh viện không có chuyên khoa)	5 điểm
2.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt từ 95% trở lên danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	5 điểm
2.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt ≥ 70 đến $<95\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	4 điểm
2.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt $\geq 50\%$ đến $< 70\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	3 điểm
2.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I đạt $< 50\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	2 điểm
3	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II (trừ danh mục bệnh viện không có chuyên khoa; trừ các kỹ thuật đã có phương pháp hiện đại thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại I và đặc biệt thay thế)	5 điểm
3.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II từ 95% trở lên danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	5 điểm

3.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt ≥ 70 đến $<95\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	4 điểm
3.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt $\geq 50\%$ đến $< 70\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	3 điểm
3.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại II đạt $< 50\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	2 điểm
4	Các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III (trừ danh mục bệnh viện không có chuyên khoa; trừ các kỹ thuật đã có phương pháp hiện đại thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại 1, 2 và đặc biệt thay thế)	5 điểm
4.1	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt từ 95% trở lên danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	5 điểm
4.2	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt ≥ 70 đến $<95\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	4 điểm
4.3	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt $\geq 50\%$ đến $< 70\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	3 điểm
4.4	Tỷ lệ các kỹ thuật chuyên khoa mà bệnh viện được phê duyệt thuộc phân loại phẫu thuật thủ thuật loại III đạt $< 50\%$ danh mục kỹ thuật của chuyên khoa đó	2 điểm
5	Phòng chống bệnh truyền nhiễm	2,5 điểm
5.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm và tiêm chủng vắc xin phòng bệnh trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
2.2	Giám sát phát hiện ca bệnh truyền nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân, véc tơ truyền bệnh, các yếu tố nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh	0,5 điểm
5.3	Giám sát và đánh giá nguy cơ dịch bệnh sốt rét của địa phương	0,25 điểm
5.4	Quản lý, phát hiện và xử lý các ổ dịch lưu hành, ổ dịch mới theo đúng chuyên môn, quy định của Bộ Y tế	0,25 điểm
5.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm soát bệnh truyền nhiễm, tiêm chủng vắc xin phòng bệnh cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,25 điểm

5.6	Kiểm tra, giám sát các cơ sở và chỉ tiêu tiêm chủng hằng năm theo phân cấp	0,25 điểm
5.7	Hướng dẫn các cơ sở tiêm chủng, đảm bảo an toàn tiêm chủng, xử lý phản ứng sau tiêm chủng và đánh giá phản ứng sau tiêm theo quy định	0,25 điểm
5.8	Thống kê, báo cáo về hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm và tiêm chủng vắc xin phòng bệnh theo quy định	0,25 điểm
6	Phòng chống HIV/AIDS	2 điểm
6.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
6.2	Dự phòng lây nhiễm HIV	0,35 điểm
6.3	Tham gia chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV/AIDS theo chức năng nhiệm vụ được giao	0,35 điểm
6.4	Giám sát, theo dõi, đánh giá và xét nghiệm HIV	0,3 điểm
6.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về phòng chống HIV/AIDS cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,25 điểm
6.6	Thống kê, báo cáo về hoạt động phòng chống HIV/AIDS theo quy định	0,25 điểm
7	Kiểm soát bệnh không lây nhiễm	1,5 điểm
7.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động kiểm soát bệnh không lây nhiễm trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
7.2	Hướng dẫn, tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát bệnh không lây nhiễm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao	0,25 điểm
7.3	Kiểm tra, giám sát các đơn vị tuyến dưới theo phân cấp	0,25 điểm
7.4	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm soát bệnh không lây nhiễm cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,25 điểm
7.5	Thống kê, báo cáo về hoạt động kiểm soát bệnh không lây nhiễm theo quy định	0,25 điểm
8	Dinh dưỡng	1,5 điểm
8.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động dinh dưỡng trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
8.2	Thực hiện các hoạt động dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,25 điểm
8.3	Giám sát dinh dưỡng, điều tra tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần và các vấn đề dinh dưỡng đặc biệt khác cho các đối tượng trên địa bàn	0,25 điểm
8.4	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về dinh dưỡng cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan	0,25 điểm

	theo yêu cầu trên địa bàn	
8.5	Thống kê, báo cáo hoạt động về dinh dưỡng theo quy định	0,25 điểm
9	Sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp	2,5 điểm
9.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	05 điểm
9.2	Phối hợp tham gia ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước sạch của tất cả các đơn vị cấp nước có quy mô từ 500 hộ gia đình trở lên (hoặc công suất thiết kế từ 1.000m ³ /ngày đêm trở lên trong trường hợp không xác định được số hộ gia đình)	0,15 điểm
9.3	Hướng dẫn và giám sát tuyến dưới triển khai việc thực hiện ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước của các đơn vị cấp nước có quy mô dưới 500 hộ gia đình (hoặc công suất thiết kế dưới 1.000m ³ /ngày đêm trong trường hợp không xác định được số hộ gia đình); hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá nhà tiêu hợp vệ sinh	0,15 điểm
9.4	Hướng dẫn việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế theo chức năng nhiệm vụ được giao	0,15 điểm
9.5	Thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường khi có dịch bệnh hoặc tại các vùng nguy cơ, thiên tai, thảm họa	0,15 điểm
9.6	Giám sát môi trường, điều kiện vệ sinh trong trường học, tình trạng dinh dưỡng và phát triển của học sinh, phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe, bệnh tật ở lứa tuổi học đường, quản lý tình trạng sức khỏe học sinh trên địa bàn	0,15 điểm
9.7	Kiểm tra, giám sát các điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục theo phân cấp, chỉ đạo hướng dẫn các trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã thực hiện việc giám sát điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục	0,15 điểm
9.8	Quản lý về loại hình hoạt động, số người lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại gây nguy cơ sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp phổ biến, phân loại sức khỏe người lao động, tình hình tai nạn lao động của các cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn	0,15 điểm
9.9	Tham gia điều tra, xử lý các sự cố, vụ nhiễm độc, tai nạn lao động chết người xảy ra tại các cơ sở sử dụng lao động (khi có yêu cầu của các cơ quan liên quan)	0,15 điểm
9.10	Hướng dẫn, hỗ trợ y tế các cơ quan, tổ chức trong việc theo dõi, giám sát, quản lý sức khỏe người lao động; Tham gia khám giám định bệnh nghề nghiệp cho người lao động	0,15 điểm
9.11	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,15 điểm

9.12	Thống kê, báo cáo về hoạt động sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp theo quy định	0,4 điểm
10	Sức khỏe sinh sản	2 điểm
10.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động sức khỏe sinh sản trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
10.2	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,2 điểm
10.3	Chăm sóc sức khỏe trẻ em theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,2 điểm
10.4	Phòng chống nhiễm khuẩn và ung thư đường sinh sản theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,15 điểm
10.5	Cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và phá thai an toàn theo quy định	0,1 điểm
10.6	Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, nam giới theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,1 điểm
10.7	Kiểm tra, giám sát các đơn vị tuyến dưới theo phân cấp	0,25 điểm
10.8	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về sức khỏe sinh sản cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,25 điểm
10.9	Thống kê, báo cáo về hoạt động sức khỏe sinh sản theo quy định	0,25 điểm
11	Truyền thông, giáo dục sức khỏe	1,5 điểm
11.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,5 điểm
11.2	Thực hiện các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,15 điểm
11.3	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động truyền thông tuyến dưới theo phân cấp	0,15 điểm
11.4	Cung cấp thông tin, xây dựng các thông điệp truyền thông và phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị, xã hội tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi và nâng cao sức khỏe nhân dân	0,1 điểm
11.5	Xây dựng các tài liệu, sản phẩm truyền thông để cung cấp cho các cơ quan, đơn vị, các tuyến, người dân, cộng đồng	0,1 điểm
11.6	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về truyền thông giáo dục sức khỏe cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,25 điểm
11.7	Thống kê, báo cáo về hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe theo quy định	0,25 điểm
12	Ký sinh trùng - Côn trùng	1 điểm
12.1	Xây dựng kế hoạch hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên phạm vi địa bàn được cấp thẩm quyền giao	0,25 điểm
12.2	Thực hiện các hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng theo chức năng, nhiệm vụ được giao	0,15 điểm

12.3	Quản lý, điều tra, giám sát ổ dịch các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên phạm vi địa bàn được giao theo chức năng, nhiệm vụ	0,1 điểm
12.4	Giám sát côn trùng, vật chủ trung gian truyền bệnh, yếu tố nguy cơ phát sinh dịch bệnh	0,1 điểm
12.5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn	0,15 điểm
12.6	Thống kê, báo cáo về hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng theo quy định	0,25 điểm
13	Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyên môn được cấp thẩm quyền giao (3 năm liên tục) liền kề năm xếp hạng:	2,5 điểm
13.1	3 năm đạt 100% tổng số chỉ tiêu kế hoạch được giao	2,5 điểm
13.2	2 năm đạt 100% tổng số chỉ tiêu kế hoạch được giao	1,5 điểm
13.3	1 năm đạt 100% tổng số chỉ tiêu kế hoạch được giao	1 điểm
13.4	Không năm nào đạt 100% tổng số chỉ tiêu kế hoạch được giao	0 điểm
14	Phòng xét nghiệm đủ năng lực và khả năng hỗ trợ công tác kiểm soát dịch bệnh, nghiên cứu sức khỏe cộng đồng. Vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm theo nhóm nguy cơ và cấp độ an toàn sinh học phù hợp với kỹ thuật xét nghiệm	2 điểm
14.1	Bảo đảm an toàn sinh học cấp II theo quy định hiện hành	2 điểm
14.2	Bảo đảm an toàn sinh học cấp I theo quy định hiện hành	1 điểm
14.3	Không bảo đảm an toàn sinh học cấp I	0 điểm
15	Phòng xét nghiệm lý hóa đạt tiêu chuẩn và đủ năng lực xét nghiệm kiểm tra nước ăn uống sinh hoạt, an toàn thực phẩm theo chức năng nhiệm vụ được giao.	1 điểm
15.1	Thực hiện được trên 70% chỉ tiêu bắt buộc theo chức năng nhiệm vụ được giao;	1 điểm
15.2	Thực hiện được dưới 70% chỉ tiêu bắt buộc theo chức năng nhiệm vụ được giao.	0,5 điểm
V	Nhóm tiêu chuẩn V: Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị	15 điểm
1	Kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng	1 điểm
2	Môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp	1 điểm
3	Đường giao thông nội bộ bảo đảm thuận tiện cho cấp cứu vận chuyển bệnh nhân, phòng cháy chữa cháy, phân luồng giao thông rõ ràng mạch lạc	1 điểm
4	Khu kỹ thuật (phòng mổ, hồi sức, phòng đẻ, phòng thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật, phòng X-quang,...) đáp ứng các tiêu chuẩn hiện hành	1 điểm
5	Tiện nghi khoa, buồng bệnh	2 điểm

5.1	Bảo đảm điều kiện, tiện nghi tại các khoa buồng bệnh	1 điểm
5.2	Phòng phẫu thuật và ICU có hệ thống khí sạch đảm bảo tiêu chuẩn theo công năng sử dụng. Phòng hồi sức cấp cứu, phòng đẻ, phòng phẫu thuật có phương tiện gọi trực cấp cứu khẩn cấp	1 điểm
6	Phòng xét nghiệm lý-hóa học bảo đảm an toàn lý hóa học theo quy định: các phương tiện bảo hộ lao động sẵn có và đầy đủ (kính, khẩu trang, găng tay,...), các thiết bị giặt nước khẩn cấp, rửa mắt, dung dịch kiểm loăng có sẵn ở các vị trí thuận tiện; có hệ thống thu gom xử lý nước thải phòng lý hóa hoặc quy định về thu gom và xử lý tại chỗ chất thải lỏng (nếu chưa có hệ thống xử lý); số tủ hút tương ứng với các phòng xét nghiệm lý hóa	1 điểm
7	Có hệ thống điện đảm bảo các tiêu chuẩn và công suất sử dụng có (hệ thống an toàn điện cho các thiết bị y tế, lộ cấp điện ưu tiên, máy phát điện dự phòng, hệ thống lưu điện)	1 điểm
8	Có hệ thống xử lý chất thải rắn, lỏng, khí đang hoạt động hoặc có hợp đồng xử lý chất thải rắn, lỏng, khí bảo đảm đủ tiêu chuẩn theo quy định	1 điểm
9	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn, quản lý, thống kê để nâng cao hiệu quả công việc.	1 điểm
10	Trang thiết bị chuyên dùng được phân công quản lý cụ thể, có đầy đủ hồ sơ, sổ sách quản lý chất lượng theo quy định	1 điểm
11	Có kế hoạch hàng năm về công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định trang thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị. Triển khai thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm định trang thiết bị chuyên dùng trong toàn đơn vị theo đúng kế hoạch.	1 điểm
12	Trang thiết bị chuyên dùng của đơn vị phù hợp với quyết định tiêu chuẩn định mức được phê duyệt	3 điểm
13	Danh mục trang thiết bị	2 điểm
13.1	Đủ theo danh mục trang thiết bị chuyên dùng đáp ứng nhu cầu chuyên môn	
13.1	Phù hợp tiêu chuẩn định mức theo quy định	1 điểm